|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2016/TT-BCT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

**Dự thảo 2**

**THÔNG TƯ**

# Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may

*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2016 quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.*

**Điều 1.**Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 37/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may như sau:

###### Sửa đổi Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may tiêu thụ trên thị trường Việt Nam. Danh mục sản phẩm dệt may được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sản phẩm dệt may không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này gồm:

###### a) Sợi, vải mộc chưa qua xử lý hoàn tất tẩy trắng hoặc nhuộm màu;

b) Hàng miễn trừ ngoại giao, hàng trong túi lãnh sự, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Các sản phẩm thuộc Phụ lục 1 của Thông tư này chưa qua xử lý hoàn tất tẩy trắng hoặc nhuộm màu;

d) Sản phẩm dệt may nhập khẩu phục vụ làm hàng mẫu được đóng dấu SAMPLE bằng mực in không phai có đường kính không nhỏ hơn 36 (ba mươi sáu) mm (đối với dấu hình tròn) và có cạnh hình vuông không nhỏ hơn 34 (ba mươi tư) mm (đối với dấu hình vuông) trên toàn bộ mặt chính của sản phẩm với khoảng cách tối thiểu 20 (hai mươi) cm/dấu hoặc đục lỗ với đường kính lỗ không nhỏ hơn 03 (ba) mm với khoảng cách tối thiểu 20 (hai mươi) cm/lỗ trên mặt chính của toàn bộ sản phẩm;

đ) Sản phẩm dệt may nhập khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học; sản phẩm dệt may tham gia triển lãm, hội chợ; vải nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và vải nhập khẩu là nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất sau khi kết thúc hợp đồng và chuyển sang tiêu thụ nội địa với số lượng:vải tối đa không quá 30 (ba mươi) mét/mẫu/màu, hoặc 05 (năm) sản phẩm/mẫu;

e) Lô hàng nhỏ, lẻ các sản phẩm dệt may hoàn chỉnh được cấp Giấy chứng nhận nhãn sinh thái với số lượng không quá 03 (ba) loại hàng hóa và 05 (năm) sản phẩm/mỗi loại hàng hóa. Giấy chứng nhận sinh thái phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Tiết thứ 3 Điểm a Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

1. Sửa đổi Điều 3
2. *Sửa tên của Khoản 11. Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa:* là hình thức kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ với lô hàng, cấp thông báo kết quả kiểm tra nhà nước;
3. *Sửa Khoản 12.* là hình thức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất trong năm đối với sản phẩm được áp dụng hình thức *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa*. Kết quả kiểm tra được thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền
4. Sửa đổi Khoản 2 Điều 8
5. **[ISO 24362-1:2014](http://www.iso.org/iso/home/store/catalogue_tc/catalogue_detail.htm?csnumber=61494),** Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - Phần 1: Phát hiện việc sử dụng các chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 1: Detection of the use of certain azo colorants accessible with and without extracting the fibres)và *khi phát hiện vết của một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen, tiếp tục xác định bằng* **[ISO 24362-3:2014](http://www.iso.org/iso/home/store/catalogue_tc/catalogue_detail.htm?csnumber=62441),** Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - Phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 3: Detection of the use of certain azo colorants, which may release 4-aminoazobenzene) hoặc;
6. b) **EN 14362-1:2012,** Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - Phần 1: Phát hiện việc sử dụng các chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 1: Detection of the use of certain azo colorants accessible with and without extracting the fibres)và *khi phát hiện vết của một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen, tiếp tục xác định bằng* **EN 14362-3:2012,** Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo - phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen (Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 3: Detection of the use of certain azo colorants, which may release 4-aminoazobenzene).
7. K

Trình tự, thủ tục kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may sản xuất trong nước được thực hiện theo quy định tại Điều 20Thông tư số 48/2011/TT-BCT.

5. Sửa đổi **Điều 11. Hình thức và hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm dệt may nhập khẩu**

1. Hình thức kiểm tra

a) Kiểm tra thông thường

Hình thức Kiểm tra thông thường được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu, hoặc;

- Trong quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm của các lô hàng nhập khẩu theo chế độ kiểm tra giảm hoặc *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa* phát hiện lô hàng không đảm bảo chất lượng.

b) Kiểm tra giảm

Hình thức Kiểm tra giảm được áp dụng cho các trường hợp sau:

Sản phẩm dệt may nhập khẩu cùng một mặt hàng, mã hàng do cùng một nhà sản xuất cung cấp, sau 03 (ba) lần kiểm tra chất lượng liên tiếp tại một tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền, các lô hàng đều đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định.

c) Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa

Hình thức Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Nguyên liệu sản xuất: Vải, bán thành phẩm và các nguyên phụ liệu nhập khẩu cùng một mặt hàng, mã hàng do cùng một nhà sản xuất cung cấp, sau 05 (năm) lần kiểm tra chất lượng liên tiếp trong vòng 01 (một) năm tại một tổ chức kiểm tra nhà nước được Bộ Công Thương ủy quyền, kết quả kiểm tra các lô hàng đều đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định được chuyển sang áp dụng hình thức Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa cho các lần nhập khẩu tiếp theo trong thời gian 01 (một) năm với số lượng sản phẩm mỗi lần nhập khẩu không vượt quá số lượng trung bình của 05 (năm) lần kiểm tra trước đó;

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu đã có chứng chỉ và được dán Nhãn sinh thái của nước sản xuất hoặc xuất khẩu theo Danh mục quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2015/TT-BCT, ngoài hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 37/2015/TT-BCT bổ sung Giấy chứng nhận sinh thái. Giấy chứng nhận sinh thái phải chứa đựng các thông tin: Tên, địa chỉ của nhà sản xuất; tên sản phẩm; thành phần nguyên liệu; chữ ký của đại diện tổ chức cấp Giấy chứng nhận;

-Lô hàng gồm các sản phẩm dệt may hoàn chỉnh, có không quá 03 (ba) loại hàng hóa và 05(năm) sản phẩm/mỗi loại hàng hóa (lô hàng nhỏ), có tần xuất nhập khẩu không quá 02 (hai) lần/tháng.

d) Kiểm tra xác suất

Bộ Công Thương ban hành Văn bản yêu cầu thực hiện việc kiểm tra xác suất đối với các trường hợp sau:

- Theo kế hoạch kiểm tra nhà nước hàng năm đã được phê duyệt;

- Theo thông tin phản ánh trên thị trường;

- Khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa;

- Các lô hàng trong thời gian áp dụng hình thức *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa* với tần suất tối thiểu 01 (một) lần trong 01 (một) năm.

- Kinh phí thực hiện kiểm tra xác suất:

+ Đối với các lô hàng trong thời gian áp dụng hình thức *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa* do tổ chức, cá nhân nhập khẩu được áp dụng hình thức kiểm tra xác suất chi trả theo quy định.

+ Đối với các trường hợp kiểm tra theo kế hoạch hàng năm; theo thông tin phản ánh trên thị trường; thông tin khiếu nại, tố cáo: khi kết quả thử nghiệm cho thấy hàng hoá không phù hợp với quy định thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa phải trả chi phí lấy mẫu và chi phí thử nghiệm.

+ Kinh phí mua và thử nghiệm mẫu để phục vụ quản lý nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2010/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2010 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

đ) Trường hợp cá biệt:

- Sản phẩm chuyển sang tiêu thụ nội địa:Đối với *nguyên liệu, vật tư nhập khẩu của doanh nghiệp chế xuất; phục vụ hợp đồng gia công xuất khẩu; sản xuất để xuất khẩu sau khi kết thúc hợp đồng và* có số lượng *không quá 03 (ba) % tổng lượng nguyên liệu, vật tư thực nhập khẩu* (quy định tại Khoản 5 Điều 64 Thông tư số 38/2015/TT-BTC) thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 37/2015/TT-BCT. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm thực hiện việc đảm bảo chất lượng theo quy định tại Khoản 5, Điều 8 Luật Doanh nghiệp. Thông báo/chứng thư kết quả kiểm tra của lượng nguyên liệu, vật tư này phải bổ sung vào hồ sơ quyết toán với cơ quan Hải quan theo quy định tại Điều 64 đối với hợp đồng gia công; Điều 71 đối với hàng sản xuất để xuất khẩu; Điều 75 đối với doanh nghiệp chế xuất của Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu phục vụ các mục đích sử dụng đặc biệt cho an ninh, quốc phòng, y tế, nhân đạo, giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, các sự kiện về văn hóa hoặc đối ngoại: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu gửi hồ sơ về Bộ Công Thương, Hồ sơ gồm: tài liệu minh chứng cho mục đích sử dụng của sản phẩm (có xác nhận của Bộ chủ quản); Giấy phép đầu tư; thông tin về Quy chuẩn kỹ thuật của sản phẩm (nếu có). Sau khi xác minh, Bộ Công Thương sẽ ra Thông báo hình thức kiểm tra đề nghị áp dụng.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra

a) Giấy đăng ký kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơmchuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may nhập khẩu quy định tại mẫu 1 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2015/TT-BCT;

b) Bản sao có đóng dấu sao y bản chính hoặc xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ sau: *Hợp đồng (contract*), *vận đơn (bill of lade)*, *Hóa đơn (Invoice); Danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo (Detailed Packing list); Tờ khai hàng hóa nhập khẩu* (tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thể cung cấp bổ sung Tờ khai cho tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền kiểm tra nhà nước sau khi hoàn thành thủ tục mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và trước khi tiếp nhận Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước);

c)Văn bản hoặc hồ sơ minh chứng cho lô hàng thuộc đối tượng được áp dụng hình thức Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa; kiểm tra giảm.

6. Sửa đổi **Điều 12. Trình tự, thủ tục kiểm tra**

1. Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra và lấy mẫu

a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm dệt may nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra cho tổ chức kiểm tra nhà nước được Bộ Công Thương ủy quyền;

b) Khi được yêu cầu lấy mẫu, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phối hợp với cơ quan Hải quan và tổ chức kiểm tra nhà nước được Bộ Công Thương ủy quyền thực hiện việc lấy mẫu theo quy định tại Điều 9, Biên bản lấy mẫu quy định tại Mẫu 3 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2015/TT-BCT.

c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất trực tiếp của doanh nghiệp mình, được cơ quan Hải quan đồng ý cho phép đưa hàng về bảo quản tại kho của doanh nghiệp, được phép lấy mẫu tại kho. Trong trường hợp lấy mẫu tại kho doanh nghiệp, Cơ quan Hải quan làm thủ tục thông quan chính thức khi nhận được Chứng thư/ Thông báo kết quả kiểm tra kèm theo kết quả thử nghiệm.

2. Trình tự kiểm tra

a) Đối với hình thức kiểm tra thông thường và kiểm tra giảm

Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan kiểm tra được ủy quyền thông báo kế hoạch lấy mẫu cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được mẫu, cơ quan kiểm tra nhà nước được ủy quyền phải có thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra nhà nước;

Trường hợp kiểm tra giảm, tổ chức cá nhân nhập khẩu thuộc doanh nghiệp được ưu tiên theo quy định tại Điều 8 và Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 38/2015/TT-BTC) được đưa hàng về kho bảo quản. Khi có kết quả kiểm tra nhà nước sẽ tiến hành làm thủ tục thông quan chính thức.

b) Đối với hình thức *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa*

- Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan kiểm tra nhà nước được ủy quyền phải thông báo kế hoạch kiểm tra xác nhận sự phù hợp của lô hàng với hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

- Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ đăng ký với lô hàng, cơ quan kiểm tra nhà nước được Bộ Công Thương ủy quyền phải có thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra nhà nước.

- Riêng đối với nguyên liệu sản xuất quy định tại Tiết thứ 2 Điểm c Khoản 5 Điều 11 sửa đổi tại Thông tư này, tổ chức, cá nhân nhập khẩu cần cung cấp các tài liệu sau về Bộ Công Thương:

+ Đơn đề nghị chuyển hình thức kiểm tra (Phụ lục 6. Mẫu số 4 kèm theo Thông tư này);

+ Hồ sơ kiểm tra sản phẩm của 05 (năm) lần kiểm tra trước đó, gồm: Phiếu kết quả thử nghiệm; Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may;

+ Công văn xác nhận của Tổ chức kiểm tra nhà nước được ủy quyền đối với lô hàng đủ điều kiện đề nghị chuyển hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phụ lục 7. Mẫu số 3 kèm theo Thông tư này).

Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp đề nghị chuyển hình thức kiểm tra, Bộ Công Thương ban hành Thông báo chuyển hình thức *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa*;

Sau khi nhận được Thông báo nhất trí của Bộ Công Thương về việc chuyển hình thức kiểm tra sang *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa*, Doanh nghiệp đăng ký với Tổ chức kiểm tra nhà nước được Bộ Công Thương ủy quyền thực hiện việc kiểm tra.

7*.*  Sửa đổi, bổ sung Điều 13

a) Sửa đổi Khoản 3

Trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho màu/mặt hàng thuộc lô hàng không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư này thì đánh giá màu/mặt hàng tương ứng với mẫu đại diện trên không đạt yêu cầu. Màu/mặt hàng không đáp ứng yêu cầu được xử lý theo quy định tại **Điều 14** Thông tư này.

b) Sửa đổi Khoản 4

Trường hợp kết quả thử nghiệm của mẫu đại diện cho lô hàng tồn kho, hàng vét (có nhiều loại vải khác nhau, kích thước các cây vải, bao vải, kiện hàng không đồng nhất) không đáp ứng yêu cầu tại Thông tư này, thì toàn bộ lô hàng được đánh giá là không đạt yêu cầu và được xử lý theo quy định tại **Điều 14** Thông tư này.

c) Bổ sung khoản 6

Kết quả kiểm tra nhà nước của tổ chức được ủy quyền gồm: Thông báo kết quả kiểm tra (Mẫu số 2, Phụ lục 7 Thông tư số 37/2015/TT-BCT) và Phiếu kết quả thử nghiệm của lô hàng.

8. Bổ sung Điểm e Khoản 1 Điều 16

e) Thực hiện *Kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ và lô hàng hóa* trong thời hạn 01 (một) năm đối với các sản phẩm đã được Bộ Công Thương ban hành Thông báo nhất trí chuyển hình thức kiểm tra.

9. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu tại Phụ lục 6

a) Sửa đổi Mẫu 2: Bổ sung 02 Hạng mục tài liệu: Hợp đồng; Vận đơn.

b) Sửa đổi Mẫu 3 phần Đại diện cơ quan Hải quan: bổ sung (nếu có);

c) Bổ sung Mẫu 4 Công văn đề nghị chuyển hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm.

10. Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu tại Phụ lục 7

a) Sửa đổi Mẫu 2: Bổ sung thông tin: Hợp đồng, vận đơn;

b) Bổ sung Mẫu 3 Công văn xác nhận của Tổ chức kiểm tra nhà nước được ủy quyền đối với lô hàng đủ điều kiện đề nghị chuyển hình thức kiểm tra chất lượng sản phẩm.

11. Thay thế Phụ lục 1 của Thông tư 37 bằng Phụ lục 1 của Thông tư này.

###### Điều 2. Hiệu lực thi hành

###### Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …. tháng… năm 2016.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (Vụ Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ;  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Tổng bí thư;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;  - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);  - Tổng Cục Hải quan;  - Công báo VPCP;  - Cổng TTĐT: Chính Phủ, Bộ Công Thương;  - Lưu: VT, KHCN. | KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNGCao Quốc Hưng |